**“giẢi pháp nâng cao hiỆu quẢ công tác giáo dỤc thỂ chẤt cho sinh viên ĐẠi HỌc HuẾ”**

ThS. Phạm Thị Mai; ThS. Nguyễn Văn Tuấn

Khoa Giáo dục Thể chất – ĐH Huế

**TÓM TẮT:**Nghiên cứu nhằm mục đích tìm hiểu Thực trạng công tác giáo dục thể chất tại Khoa Giáo dục thể chất – Đại học Huế, qua đó nhìn thấy được những thuận lợi và khó khăn, tìm hiểu nguyên nhân gây ra những khó khăn trong việc giáo dục thể chất. Dựa vào những kết quả trên để đưa ra những giải pháp nâng cao hiệu quả công tác giáo dục thể chất cho sinh viên Đại Học Huế nhằm nâng cao công tác giáo dục thể chất trong nhà trường.

***Từ khóa***: Thực trạng; Giải pháp; Giáo dục thể chất; Sinh viên Đại học Huế

**ABSTRACT:**The research aims to find out the reality of physical education in the Faculty of Physical Education - Hue University, thereby seeing the advantages and disadvantages, finding out causes of difficulties in teaching physical. Based on the results above to provide solutions to improve the efficiency of physical education for Hue University students to improve the physical education in the school.

***Keywords*:** Situation; Solution; Physical education; Students of Hue University

**ĐẶT VẤN ĐỀ**

Giáo dục thể chất là một loại hình giáo dục, mà nội dung chuyên biệt là dạy học vận động (động tác) và phát triển có chủ đích các tố chất vận động của con người. Trong quá trình học tập môn học giáo dục thể chất giúp sinh viên thiết lập mối quan hệ với bạn bè, hình thành thói quen, tính kiên nhẫn và sự năng động trong luyện tập, từ đó dần hình thành nhân cách cho sinh viên. Giáo dục thể chất là một quá trình giáo dục đồng thời cũng là một hoạt động văn hoá xã hội, lấy sự phát triển cơ thể, tăng cường thể chất, nâng cao sức khoẻ làm đặc trưng cơ bản. Không những thế, giáo dục thể chất còn giúp hình thành ở sinh viên những kĩ năng ứng xử, giao tiếp, những hành vi đạo đức đúng đắn khi luyện tập. Đồng thời còn góp phần giáo dục lối sống tích cực, lành mạnh và bồi dưỡng các phẩm chất đạo đức nhân cách cho sinh viên để đáp ứng được những yêu cầu phát triển con người toàn diện gì mà xã hội, đất nước đang mong đợi ở thế hệ trẻ.

Tuy nhiên, thực tế hiện nay, vấn đề giáo dục thể chất trong trường học nói chung, bậc Đại học nói riêng còn tồn tại nhiều bất cập. Việc giáo dục thể chất cho sinh viên chưa nhận được sự quan tâm đúng mức từ phía gia đình, nhà trường và xã hội. Điều này ảnh hưởng rất lớn đến việc phát triển thể trạng, sức khoẻ của các em, gây mất cân đối, hài hoà giữa phát triển trí tuệ, thể chất và phát triển toàn diện con người.

Khoa GDTC - Đại học Huế là một trung tâm đào tạo Đại học, triển khai nghiên cứu, ứng dụng khoa học giáo dục và trực tiếp phụ trách giảng dạy GDTC cho các trường thành viên Đại học Huế. Trong những năm qua, Khoa GDTC - Đại học Huế đã quan tâm rất lớn đến chất lượng đào tạo sinh viên, trong đó đặc biệt nhấn mạnh đến việc đổi mới chương trình, sách giáo khoa, phương pháp giảng dạy, phương pháp kiểm tra - đánh giá cho sinh viên, với mong muốn là đào tạo được các cử nhân sư phạm giáo dục thể chất không chỉ có phẩm chất, tư tưởng chính trị, đạo đức tốt, mà còn phải có năng lực chuyên môn vững vàng sau khi ra trường, ngoài ra Khoa còn có nhiệm vụ trang bị cho sinh viên không chuyên thuộc các trường, khoa trực thuộc Đại học Huế các kỹ năng cơ bản về hoạt động TDTT và các hoạt động có liên quan khác.

Để đáp ứng được những yêu cầu đó, Khoa GDTC - Đại học Huế thường xuyên triển khai các mặt công tác đổi mới về nội dung, cũng như phương pháp đào tạo, trong đó vấn đề cải tiến phương pháp giảng dạy kỹ thuật các môn thể thao. Những năm gần đây, công tác nghiên cứu khoa học của Khoa không ngừng phát triển và ứng dụng những tiến bộ khoa học cải tiến chương trình môn học, đổi mới phương pháp giảng dạy nhằm không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo đại học trong tình hình mới. Chính vì vậy, đổi mới công tác đào tạo cán bộ TDTT, nâng cao chất lượng đào tạo có ý nghĩa thực tiễn to lớn. Công việc này phải được tiến hành thường xuyên liên tục và phải thực hiện ngay ở từng môn học trong nhà trường.

Trên những yêu cầu bức bách đó với kinh nghiệm của bản thân tôi xin đưa ra một số giải pháp nâng cao hiệu quả công tác GDTC cho sinh viên Đại Học Huế.

**PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU**

Đề tài đã sử dụng các phương pháp nghiên cứu như sau: Phương pháp phân tích và tổng hợp tài liệu; Phương pháp phỏng vấn toạ đàm; Phương pháp quan sát sư phạm, phương pháp toán học thống kê.

**1. Phương pháp phân tích tổng hợp tài liệu:**

Đề tài sẽ sử dụng phương pháp đọc và phân tích tài liệu để giải quyết các mục tiêu của đề tài thông qua các tài liệu chuyên môn liên quan.

**2. Phương pháp phỏng vấn tọa đàm.**

Để tham khảo ý kiến của giáo viên, chuyên gia và các nhà nghiên cứu về thực trạng công tác giáo dục thể chất từ đó đưa ra các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác giáo dục thể chất cho sinh viên Đại học Huế. Mặt khác, thông qua phỏng vấn bằng phiếu hỏi để có thêm cơ sở thực tiễn và độ tin cậy trong việc đưa ra các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác giáo dục thể chất cho sinh viên Đại học Huế.

**3. Ph­ương pháp quan sát sư phạm.**

Đề tài sẽ tiến hành quan sát điều kiện cơ sở vật chất, quá trình giảng dạy của giảng viên và học tập của sinh viên để đánh giá thực trạng công tác giáo dục thể chất từ đó đưa ra các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác giáo dục thể chất cho sinh viên Đại học Huế. Nhằm làm sáng tỏ hơn nữa những kết quả phỏng vấn.

**4. Phương pháp toán học thống kê:**

Đề tài sẽ sử dụng các công thức toán học thông kê và đo lường TDTT bằng việc thông qua các phần mềm để xử lý số liệu đề tài thu thập được làm cơ sở cho việc phân tích và đánh giá.

**KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU**

**1. Thực trạng công tác giáo dục thể chất tại Khoa Giáo dục thể chất – Đại học Huế**

### 1.1. Thực trạng đội ngũ giảng viên giảng dạy môn học GDTC cho sinh viên Đại học Huế

Hiện nay, việc giảng dạy môn học GDTC của các Trường đại học thành viên và Khoa trực thuộc Đại học Huế đều do Khoa GDTC-Đại Học Huế phụ trách tổ chức và giảng dạy. Do đó số lượng và chất lượng đội ngũ giảng viên tham gia giảng dạy môn học GDTC cho sinh viên Đại học Huế nói chung và sinh viên trường Đại học Y Dược nói riêng cơ bản đáp ứng được yêu cầu của Bộ GD&ĐT đề ra. Kết quả khảo sát thực trạng đội ngũ giảng viên tham gia giảng dạy môn học GDTC cho sinh viên trường Đại học Y Dược được trình bày ở bảng 4.

**Bảng 4. Trình độ và độ tuổi của giảng viên Khoa GDTC - Đại học Huế (n=55)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chỉ số**  **ND** | **Tuổi** | | | | **Giới tính** | | **Trình độ** | | |
| <30 | 30-40 | 41-50 | >50 | Nam | Nữ | TS | ThS | CN |
| **Số lượng** | 8 | 36 | 3 | 8 | 43 | 12 | 6 | 40 | 9 |
| **Tỷ lệ %** | 14,55 | 64,45 | 5,54 | 14,55 | 78,18 | 21,82 | 10,91 | 72,73 | 13,36 |

Kết quả điều tra ở bảng 4 cho thấy: hiện tại các giảng viên có trình độ Cử nhân chiếm 16.36%; Thạc sĩ chiếm 72.73% và Tiến sĩ 10.91%. Điều này cho thấy số giảng viên có đầy đủ kinh nghiệm và trình độ để đáp ứng công việc giảng dạy tại trường. Các giảng viên có kinh nghiệm luôn bồi dưỡng, giúp đỡ các giảng viên mới nâng cao trình độ. Qua phân tích kết quả khảo sát có thể khẳng định rằng lực lượng giảng viên tham gia giảng dạy môn học GDTC cho sinh viên Đại học Huế có thể đáp ứng các yêu cầu cao về giảng dạy cũng như nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực GDTC.

***1.2. Thực trạng về chương trình GDTC tại ĐH Huế***

Nội dung chương trình GDTC tại Đại học Huế được tiến hành theo quy định của Bộ GD&ĐT và Quyết định số 279/QĐ-ĐHH ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Giám đốc Đại học Huế về việc ban hành chương trình môn học GDTC thuộc các chương trình đào tạo trình độ đại học, cao đẳng tại Đại học Huế là 120 tiết được đối với đại học, phân phối cho 4 học kỳ tương ứng với 4 học phần, mỗi học kỳ được bố trí 01 tín chỉ thực hành tương đương 30 tiết, không trùng lặp nhau về nội dung môn học giữa các học phần. Chương tŕnh môn học GDTC giảng dạy cho sinh viên Đại học Huế được trình bày ở bảng 1.

**Bảng 1. Chương trình môn học GDTC giảng dạy cho SV Đại học Huế**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên học phần** | **Mã học phần** | **Tổng số tín chỉ** | **Lý thuyết** | **Thực hành** | **Bắt buộc/ Tự chọn** |
| I | **CÁC HỌC PHẦN BẮT BUỘC** | | | | | |
| 1 | Giảng dạy thực hành chạy cự ly ngắn (50m), cự ly trung bình (1000m Nam, 500m nữ) | ĐK.1001 | 1 | 0 | 1 | Bắt buộc |
| II | **CÁC HỌC PHẦN TỰ CHỌN (Chọn tối thiểu 03/08 Tín chỉ)** | | | | | |
| 1 | Giảng dạy thực hành Bóng rổ | BR.2011 | 1 | 0 | 1 | Tự chọn |
| 2 | Giảng dạy thực hành Bóng chuyền | BC.2011 | 1 | 0 | 1 | Tự chọn |
| 3 | Giảng dạy thực hành Bóng đá | BĐ.2011 | 1 | 0 | 1 | Tự chọn |
| 4 | Giảng dạy thực hành Bóng ném | BN.2011 | 1 | 0 | 1 | Tự chọn |
| 5 | Giảng dạy thực hành Cờ vua | CV.2011 | 1 | 0 | 1 | Tự chọn |
| 6 | Giảng dạy thực hành Nhảy cao, Nhảy xa | CX.2011 | 1 | 0 | 1 | Tự chọn |
| 7 | Giảng dạy thực hành Thể dục tay không | TD1.2011 | 1 | 0 | 1 | Tự chọn |
| 8 | Giảng dạy thực hành Thể dục dụng cụ | TD2.2011 | 1 | 0 | 1 | Tự chọn |

Qua bảng 1 cho thấy tổng số giờ học GDTC chính khóa Đại học Huế gồm 120 tiết được chia đều trong 04 học kỳ do Khoa GDTC phụ trách từ khâu lập kế hoạch, tổ chức giảng dạy, kiểm tra đánh giá đến cấp phát chứng chỉ GDTC. Do thời gian học rất ngắn (30 tiết/học phần) nên trong các giờ chính khóa các giảng viên chủ yếu giảng dạy kỹ thuật cơ bản của các môn thể thao đã quy định trong chương trình chi tiết của học phần đó chứ không có thời gian cho SV ôn tập nhiều cũng như chưa có kế hoạch hướng dẫn, tổ chức cho sinh viên tập luyện ngoại khóa.

***1.3. Thực trạng về cơ sở vật chất phục vụ công tác GDTC tại ĐH Huế***

Yếu tố cơ sở vật chất, các trang thiết bị dụng cụ, sân bãi... phục vụ cho công tác giảng dạy và tập luyện là điều kiện quan trọng và cần thiết để nâng cao chất lượng đào tạo. Số lượng, chất lượng dụng cụ, cũng như mặt bằng diện tích các sân tập phải đảm bảo đủ không gian, thời gian... để sinh viên có thể tập luyện không những trong các giờ chính khóa mà còn có thể tập luyện ngoại khóa. Do sinh viên của nhà trường phải học tập môn GDTC cũng như các hoạt động TDTT ngoại khóa đều ở Khoa GDTC- Đại học Huế nên việc đánh giá thực trạng cơ sở vật chất nhà trường đã tiến hành điều tra sân bãi, dụng cụ học tập của Khoa GDTC trong năm 2018. Kết quả thu được trình bày ở bảng 2.

# Bảng 2. Thực trạng cơ sở vật chất, sân bãi phục vụ

# cho giảng dạy môn GDTC và tập luyện TDTT tại Khoa GDTC – ĐH Huế

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Cơ sở vật chất** | **Số lượng** | **Chất lượng** |
| 1 | Sân Điền kinh (400m ) | 1 | Tốt |
| 2 | Đường chạy ngắn (100m) | 2 | Khá |
| 3 | Hố nhảy cao-xa | 7 | Khá |
| 4 | Sân Bóng chuyền | 4 | Khá |
| 5 | Sân Bóng đá (sân 7 người ) | 2 | Trung bình |
| 6 | Sân bóng rổ | 2 | Trung bình |
| 7 | Nhà tập, thi đấu | 2 | Tốt |
| 8 | Xà lệch | 3 | Trung bình |
| 9 | Xà kép | 4 | Trung bình |
| 10 | Đồng hồ bấm giây | 6 | Khá |
| 11 | Bóng các loại | 250 | Khá |

Qua khảo sát và kết quả thu được ở bảng 2 cho thấy, Thực trạng sân bãi dụng cụ phục vụ cho công tác giảng dạy môn GDTC và hoạt động TDTT còn thiếu về số lượng, hạn chế về chất lượng chỉ mới đáp ứng được 50-60% nhu cầu của sinh viên trong nhà trường. Các sân bãi dụng cụ đơn giản như sân đẩy tạ, đường chạy, sân đá cầu vẫn còn thiếu so với quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Đồng thời một số môn có mật độ sử dụng quá cao như Bóng chuyền, Bóng đá… mặt khác do thời tiết ở Huế mưa nhiều nên công tác giảng dạy gặp nhiều khó khăn do vậy ảnh hưởng đến chất lượng đào tạo và hoạt động phong trào nói chung. Từ thực tế trên để nâng cao chất lượng công tác GDTC cho sinh viên, bên cạnh việc không ngừng nâng cao chất lượng sân bãi dụng cụ tập luyện hiện có, Khoa GDTC - Đại Học Huế cần có kế hoạch để quy hoạch xây dựng thêm sân bãi và tăng cường mua sắm trang thiết bị phục vụ cho giảng dạy và tập luyện (nội khóa và ngoại khóa) cho sinh viên Đại học Huế.

**1.4. Thực trạng kết quả học tập môn GDTC của sinh ĐH Huế**

Để có thêm thông tin chúng tôi tiến hành thống kê kết quả học tập 4 học phần môn GDTC của 500 sinh viên Đại học Huế. Kết quả thu được ở bảng 3.

**Bảng 3. Kết quả học tập môn GDTC của sinh viên**

**Đại học Huế (khoá TS 2016, n=500)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Học phần** | **XẾP LOẠI** | | | | | | | | | |
| ***Giỏi*** | | ***Khá*** | | ***TB*** | | ***Yếu*** | | ***Kém*** | |
| *SL* | *%* | *SL* | *%* | *SL* | *%* | *SL* | *%* | *SL* | *%* |
| 1 | 30 | *6.00* | 154 | *30.8* | 249 | *49.8* | 51 | *12* | 16 | *3.2* |
| 2 | 35 | *7.00* | 175 | *35.0* | 232 | *46.4* | 44 | *10.8* | 14 | *2.8* |
| 3 | 38 | *7.6* | 192 | *38.4* | 218 | *43.6* | 40 | *12.4* | 12 | *2.4* |
| 4 | 45 | *9.00* | 203 | *40.6* | 210 | *42.0* | 35 | *10.2* | 7 | *1.4* |

Kết quả trình bày ở bảng 3 cho thấy kết quả học tập môn GDTC của SV Đại học Huế khóa tuyển sinh 2016 chưa cao. Điều này thể hiện ở việc trong mỗi học phần, tổng số SV xếp loại trung bình, yếu, kém luôn cao hơn tổng số SV xếp loại khá, giỏi.

***1.5. Nhu cầu học tập các môn GDTC của sinh viên ĐH Huế***

**Bảng 4: Khảo sát nhu cầu học tập các môn GDTC**

**của sinh viên Đại học Huế *(n = 9.812)***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **MÔN** | **SỐ SV LỰA CHỌN** | **TỶ LỆ %** | **Ghi chú** |
| 1 | Cầu lông | 2.928 | *29.8* |  |
| 2 | Bơi lội | 1.553 | *15.83* |  |
| 3 | Bóng đá | 1.491 | *15.2* |  |
| 4 | Bóng chuyền | 1.252 | *12.76* |  |
| 5 | Võ thuật | 661 | *6.74* |  |
| 6 | Bóng rổ | 598 | *6.09* |  |
| 7 | Cờ vua | 476 | *4.9* |  |
| 8 | Bóng bàn | 358 | *3.65* |  |
| 9 | Khiêu vũ TT | 334 | *3.4* |  |
| 10 | Đá cầu | 137 | *1.4* |  |

Qua bảng 4 chúng ta có thể thấy được rằng các nội dung cuón hút và tạo được sự thích thú trong quá trình học tập điển hình là 4 môn: Cầu lông, bơi lội, bống đá, bóng chuyền.

**2. Các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác giáo dục thể chất cho sinh viên Đại học Huế**

***2.1. Lựa chọn các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác giáo dục thể chất cho sinh viên Đại học Huế***

Xuất phát từThực trạng công tác giáo dục thể chất tại Khoa Giáo dục thể chất – Đại học Huế kết hợp quá trinh đọc, phân tích tham khảo tài liệu cũng như kết quả phỏng vấn 26 chuyên gia và các giáo viên có nhiều kinh nghiệm giảng dạy các môn học GDTC tại Khoa GDTC Đại học Huế đề tài tiến hành lựa chọn đưa ra các giải pháp để đánh giá và lựa chọ như sau*.*

***Bảng5 : Kết quả phỏng vấn lựa chọn các giải pháp(n=26)***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **CÁ GIẢI PHÁP** | **ĐỒNG Ý** | **TỶ LỆ %** | **KHÔNG ĐỒNG Ý** | **TỶ LỆ %** |
| **1** | **Hình thành động cơ học tập môn học cho sinh viên** | **26** | 100% | 00 | 0% |
| **2** | **Tìm hiểu đặc điểm đặc điểm sức khỏe, tâm sinh lý lứa tuổi** | **23** | 87% | 3 | 13% |
| **3** | **Nghiên cứu kỹ nội dung, bài giảng phải xúc tích, khoa học đồng thời cải tiến phương pháp giảng dạy.** | **26** | 100% | 00 | 0% |
| **4** | **Có kế hoạch thường xuyên và lâu dài bồi dưỡng chuyên môn nghiêọ vụ cho giảng viên** | **26** | 100% | 00 | 0% |
| **5** | **Tổ chức tuyên truyền,phổ biến nhận thức về vai trò công tác tổ chức trong nhà trường.** | 12 | 46% | **14** | 54% |
| **6** | **Đảm bảo cơ sở vật chất, kinh phí phục vụ cơ sở vật chất** | **26** | 100% | 00 | 0 |

Từ kết quả phỏng ván ở bảng 5 dề tài quyết định đi đến lựa chọ 5 giải pháp có kết quả phỏng vấn lấy ý kiến cao nhất và đạt tỷ lệ % đồng ý từ 70% trở lên cụ thể:

+ Hình thành động cơ học tập môn học cho sinh viên

+ Tìm hiểu đặc điểm đặc điểm sức khỏe, tâm sinh lý lứa tuổi

+ Nghiên cứu kỹ nội dung, bài giảng phải xúc tích, khoa học đồng thời cải tiến phương pháp giảng dạy.

+ Nghiên cứu kỹ nội dung, bài giảng phải xúc tích, khoa học đồng thời cải tiến phương pháp giảng dạy.

+ Đảm bảo cơ sở vật chất, kinh phí phục vụ cơ sở vật chất

**2.2. Nội dung các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác giáo dục thể chất cho sinh viên Đại học Huế**

**2.2.1. Hình thành động cơ học tập môn học cho sinh viên**

Sức khỏe là vốn quý của con người. Có sức khỏe là có tất cả. Vậy làm gì để có sức khỏe? Có nhiều nguyên nhân khác nhau nhưng việc tập luyện thể thao thường xuyên là biện pháp hữu hiệu và đơn giản nhất giúp chúng  ta củng cố, giữ gìn và tăng cường sức khỏe. Môn học thể dục làm  được điều đó. Nó giúp các em giảm bớt sự căng thẳng mệt mỏi trong học tập, lao động và các sinh hoạt khác: giúp các em hiểu và tập luyện đúng phương pháp, đúng kỹ thuật động tác góp phần vào việc nâng cao sức khỏe. Các em hiểu được vấn đề này sẽ hình thành động cơ học tập, và như vậy tạo được sụ hưng phấn, sự hứng thú đối với môn học trong các em học sinh, sinh viên.

**2.2.2.Tìm hiểu đặc điểm đặc điểm sức khỏe, tâm sinh lý lứa tuổi**

Điều này rất quan trọng trong hoạt động thể dục thể thao cũng như môn học thể dục để đạt được hiệu quả cao nhất, tránh những tác dụng xấu có thể xảy ra. Chúng ta cần phải làm những việc trong quá trình giảng dạy:

- Căn cứ đặc điểm giải phẫu, sinh lý của từng lứa tuổi, giới tính, hệ vận động, nội tạng, hệ thần kính... để có phương pháp hữu hiệu khi giảng dạy.

- Căn cứ đặc điểm phát triển tố chất cơ thể: Sức nhanh, sức mạnh, sức bền, linh hoạt, khéo léo của học sinh để có những bài tập, lượng vận động phù hợp...

Với việc làm này người học đã thay đổi nhận thức đã tích cực tập luyện thể dục thể thao hơn, hứng thú và say mê hơn với môn thể dục vì đã có được những môn học đúng với khả năng, lượng vận động phù hợp với bản thân. Sức duy trì và tăng cường kết quả học tập được nâng lên.

**2.2.3. Nghiên cứu kỹ nội dung, bài giảng phải xúc tích, khoa học đồng thời cải tiến phương pháp giảng dạy.**

Vì nội dung của bài chính là sự tổ chức quá trình dạy học tức là thực hiện sự thống nhất giữa quá trình dạy và quá trình học. Trong đó quá trình dạy là người giáo viên cung cấp những kiến thức mới cho học sinh và thông qua đó người giáo viên thực hiện nhiệm vụ giáo dục và phát triển cho học sinh, còn đối với học sinh thì giáo viên cần phải chủ động điều khiển, hướng dẫn lớp học để học sinh tiếp thu kiến thức một cách chủ động và nắm vững kiến thức một cách có hệ thống và biến những kiến thức ấy thành cái của mình nên giáo viên cần phải:

- Áp dụng triệt để và phù hợp các nguyên tắc giảng dạy thể dục thể thao: Nguyên tắc tư tưởng, nguyên tắc trực quan, nguyên tắc toàn diện, hệ thống nguyên tắc phù hợp với khả năng tiếp thu của học sinh, nguyên tắc củng cố và nâng cao.

- Sử dụng tốt các phương pháp giảng dạy thể dục, phù hợp với nội dung, động tác; phương pháp hoàn chỉnh và phân đoạn, phương pháp giảng giải và làm mẫu, phương pháp luyện tập, phương pháp sửa chữa các động tác sai...

- Có kế hoạch giảng dạy và phương pháp tiến hành giờ thể dục cụ thể và hợp lý.

**2.2.4. Có kế hoạch thường xuyên và lâu dài bồi dưỡng chuyên môn nghiêọ vụ cho giảng viên**.

Trên cơ sở duy trì và nâng cao chất lượng hoạt động của cơ cấu tổ chức quản lý phong trào thể dục thể thao của trường, đảm bảo phân công của các bộ phận chức năng, tăng cường hoạt động chỉ đạo của ban giám hiệu phối hợp chặt chẽ hoạt động của bộ môn giáo dục thể chất với các tổ chức đoàn thể và phòng ban chức năng để tạo mọi điều kiện thuận lợi cho việc phát triển phong trào thể dục thể thao của nhà trường dưới nhiều hình thức.

Xây dựng cơ cấu tổ chức quản lý bộ môn giáo dục thể chất. Với mục đích phân công trách nhiệm cho từng môn, từng cán bộ giảng dạy, đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ, chức trách của giáo viên đó là giảng dạy nội khóa, xây dựng kế hoạch phát triển phong trào thể dục thể thao của nhà trường; đề xuất sáng kiến kinh nghiệm khoa học. Tổ chức hướng dẫn phong trào tập luyện ngoại khóa của sinh viên và huấn luyện viên các đội tuyển tham gia các giải thể thao của cấp trường, ngành, bộ... Cần phân công các tổ chuyên môn cho phù hợp với điều kiện giảng dạy và phù hợp với đội ngũ giáo viên.

Việc áp dụng xây dựng lại chương trình chi tiết đối với môn giáo dục thể chất của nhà trường để áp dụng sẽ chủ động trong việc lựa chọn đội ngũ giáo viên giảng dạy phù hợp với khả năng. Qua đó phát huy được năng lực sở trường của từng giáo viên để vận dụng trong việc thực hiện giáo dục hóa giáo dục là rất tốt. Không những tạo hiệu quả cho giáo dục thể dục thể thao mà còn tạo nên các hoạt động phong trào sôi nổi trong các đoàn thể, đáp ứng được yêu cầu của xã hội và nhà trường.

Công tác cán bộ: cần tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng, nâng cao ý thức trách nhiệm của giáo viên đối với việc nâng cao chất lượng giáo dục thể chất của sinh viên và phong trào thể dục thể thao của nhà trường. Tổ chức các hoạt động sinh hoạt chuyên môn nghiệp vụ, cử cán bộ đi học các lớp bồi dưỡng chuyên môn, hoàn thiện đào tạo bậc học trên đại học cho cán bộ giảng viên nhất là giảng viên trẻ.

**2.2.5. Đảm bảo cơ sở vật chất, kinh phí phục vụ cơ sở vật chất**

Để nâng cao chất lượng giáo dục thể chất và hoạt động thể dục thể thao cho sinh viên phải đảm bảo những điều kiện cơ sở vật chất, kinh phí phục vụ cho việc giảng dạy môn học thể dục nội khóa cũng như các hoạt động ngoại khóa và tự tập luyện thể thao của sinh viên.

- Cải tạo nâng cấp sân bãi để có thể tận dụng tối đa điều kiện của nhà trường phục vụ giảng dạy và tập luyện.

- Đảm bảo mua sắm trang thiết bị phục vụ cho giảng dạy và tập luyện đủ số lượng và đảm bảo về chất lượng.

- Tổ chức các hoạt động ngoại khóa cho sinh viên, góp phần hoàn thiện các nội dung học tập của giờ học chính khóa và các tiêu chuẩn rèn luyện thể thao.

- Tổ chức xây dựng các câu lạc bộ thể thao, các hoạt động thể thao quần chúng.

- Mở rộng và tăng cường các hoạt động thi đấu thể thao trong sinh viên, cuốn hút sinh viên tham gia cổ vũ với số lượng ngày càng nhiều.

- Có chính sách ưu tiên kịp thời như cộng điểm vào môn học, miễn học môn học mà các em đã có thành tích cao trong câu lạc bộ mình tham gia cũng như thành tích cao thi đấu các môn thể thao cho nhà trường nhằm thúc đẩy động cơ học tập, khuyến khích tinh thần học tập và rèn luyện của các em.

- Để xây dựng các công trình thể thao có quy mô và chất lượng cao như sân cỏ nhân tạo, bể bơi, nhà thi đấu sân bóng chuyền, sân bóng rổ, sân bóng ném, và một số dụng cụ tập luyện có chất lượng cao,…thì sự cần thiết phải kêu gọi đầu tư từ các cá nhân, tập thể cho đến các doanh nghiệp có ý định kinh doanh thể thao. Muốn làm được điều đó chúng ta cần tạo hành lang pháp lý và cơ chế thông thoáng hơn, động viên mọi tổ chức đoàn thể, cá nhân cùng tham gia.

- Cần có chương trình tham quan một số trường chuyên nghiệp trên toàn quốc thực hiện thành công trong việc xây dựng phát triển mô hình thể thao hóa trường học.

- Xây dựng đội tuyển thể thao của nhà trường ở những môn có thế mạnh để thi đấu giao lưu, thi đấu giành giải thưởng trong những dịp tổ chức trong và ngoài trường.

**KẾT LUẬN**

Quá trình nghiên cứu đề tài rút ra các kết luận sau:

**1. Về thực trạng công tác giáo dục thể chất tại Khoa Giáo dục thể chất – Đại học Huế:**

### + Đội ngũ giảng viên giảng dạy môn học GDTC cho sinh viên Đại học Huếcó thể đáp ứng các yêu cầu cao về giảng dạy cũng như nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực GDTC.

+ Về chương trình GDTC tại ĐH Huế. Do thời gian học rất ngắn (30 tiết/học phần) nên trong các giờ chính khóa các giảng viên chủ yếu giảng dạy kỹ thuật cơ bản của các môn thể thao đã quy định trong chương trình chi tiết của học phần đó chứ không có thời gian cho SV ôn tập nhiều cũng như chưa có kế hoạch hướng dẫn, tổ chức cho sinh viên tập luyện ngoại khóa.

**+** VềSân bãi dụng cụ phục vụ cho công tác giảng dạy môn GDTC và hoạt động TDTT còn thiếu về số lượng, hạn chế về chất lượng chỉ mới đáp ứng được 50-60% nhu cầu của sinh viên trong nhà trường.

+ Về kết quả học tập môn học GDTC của SV Đại học Huế khóa tuyển sinh 2016 chưa cao. Điều này thể hiện ở việc trong mỗi học phần, tổng số SV xếp loại trung bình, yếu, kém luôn cao hơn tổng số SV xếp loại khá, giỏi.

**2. Về giải pháp đề tài đã đưa ra được 05 giải pháp cơ bản:**

+ Hình thành động cơ học tập môn học cho sinh viên

+ Tìm hiểu đặc điểm đặc điểm sức khỏe, tâm sinh lý lứa tuổi

+ Nghiên cứu kỹ nội dung, bài giảng phải xúc tích, khoa học đồng thời cải tiến phương pháp giảng dạy.

+ Nghiên cứu kỹ nội dung, bài giảng phải xúc tích, khoa học đồng thời cải tiến phương pháp giảng dạy.

+ Đảm bảo cơ sở vật chất, kinh phí phục vụ cơ sở vật chất.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Lê Bửu, Nguyễn Thế Truyền (1991), *Lý luận và phương pháp thể thao trẻ*, NXB TDTT TP Hồ Chí Minh

2. Lưu Quang Hiệp, Phạm thị Uyên (2003), *Sinh lý học TDTT*, Nxb TDTT, Hà Nội.

3. Phạm Viết Vượng (2000), *Phương pháp luận nghiên cứu khoa học*, Đại học Quốc gia Hà Nội.

4. Phạm Ngọc Viễn, Lê Văn Xem, Mai Văn Muôn, Nguyễn Thanh Nữ (1991), *Tâm lý học TDTT*, Nxb TDTT, Hà Nội, tr. 82 - 86.

5. Nguyễn Kỳ Anh, Vũ Đức Thu (1994), “Những giải pháp thực thi nhằm cải tiến nâng cao chất lượng giáo dục thể chất trong các trường đại học”, *Tuyển tập nghiên cứu khoa học thể dục thể thao*, Nxb TDTT, Hà Nội.

6. Hướng dẫn thực hiện chương trình GDTC trong các trường đại học và cao đẳng theo quy định mới số 904QĐ ngày 17/02/2004.

7. A.G.Novikvov, G.P.Matveep (1980), *Lý luận và phương pháp GDTC*, Nxb TDTT, Hà Nội.

8. Quyết định số 201/QĐ-TDTT ngày 23/11/1989 của Bộ trưởng Bộ đại học, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề về việc ban hành chương trình GDTC trong trường học

9. Đồng Văn Triệu, Lê Anh Thơ (2000), *Lý luận và phương pháp GDTC trong trường học*, Nxb TDTT, Hà Nội.